

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 14/2025/DS-ST

Ngày 24.4.2025

V/v "Tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản và hợp đồng mượn tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Xuân Hải.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đoàn Ngọc Lâm và bà Trần Thị Thu

Huyền.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Thông báo hoãn phiên tòa xét xử vụ án dân sự số 01/TB-TA ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991, chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S (*Văn bản uỷ quyền 442/2024/UQ-SVN ngày 05/5/2024*); có mặt.

Bị đơn: Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1987; cư trú tại: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Cẩm M, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị - có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2024, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: vào ngày 04/03/2024, ông Nguyễn Thanh Đ có đến chi nhánh Đ1 thuộc Công ty cổ phần S Có Ngay để ký hợp đồng cầm cố tài sản, cụ thể theo hợp đồng cầm cố số: Q8T240301003NA23X ký giữa các bên ngày 04/03/2024 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ2: Giaodichdambao/botuphap: 1529990202 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> Thì ông Nguyễn Thanh Đ có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

- + 01 xe tải có mui biển kiểm soát: 74C-119.78.
- + Loại xe: Tải có mui THACO FRONTIER; màu: Xanh
- + Số khung: RNHA22TEAPT083411 số máy: DK121023337680;
- + Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000803 Do Công an tỉnh Q cấp ngày 03/10/2023.

Ông Đ cầm cố xe ô tô và giấy tờ kèm theo để vay số tiền là 95.904.255.32, thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 04/03/2024 - 04/03/2025), với mức lãi suất là 1,1%/tháng, thời hạn thanh toán: thanh toán tiền theo định kỳ hàng tháng (bao gồm lãi và phí trong hạn) với số tiền 1.534.686.09 đồng, thanh toán vào ngày 04 hàng tháng, từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2025, thanh toán toàn bộ số tiền gốc vào kỳ hạn cuối cùng của hợp đồng. Theo hợp đồng thì khoản tiền cầm cố sẽ được giao cho khách hàng trong vòng 03 ngày sau khi ký kết hợp đồng, vì vậy vào ngày 04/3/2024 thì Công ty cổ phần S đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Nguyễn Thanh Đ. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Nguyễn Thanh Đ mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 04/03/2024 đến 04/04/2024, địa điểm trả xe là tại chi nhánh Đ1 thuộc Công ty cổ phần S Có Ngay. Ông Nguyễn Thanh Đ có cam kết trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Thanh Đ đã thanh toán được 03 tháng với số tiền 12.910.000 đồng; trong đó: tiền lãi trong hạn 3.164.840 đồng; tiền phí 1.463.629 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe 8.224.050 đồng; lãi quá hạn 57.480 đồng. Sau đó ông Đ không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, tính đến nay đã quá thời hạn hợp đồng 09 tháng, ông Đ không trả nợ cũng như không trả lại xe cho Công ty. Theo nội dung hợp đồng thì bà Nguyễn Thị Cẩm M (vợ ông Đ) cam kết bảo lãnh cho khoản vay trên của ông Nguyễn Thanh Đ. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Nguyễn Thanh Đ nhưng đều không gặp. Chúng tôi đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Nguyễn Thanh Đ trả lại tiền hoặc tài sản đã cầm cố cho Công ty, nhưng ông Nguyễn Thanh Đ không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Vì vậy Công ty Cổ Phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh Đ thanh toán số tiền 134.474.350 đồng, trong đó: số tiền gốc 95.904.255.32 đồng; tiền lãi là: 9.470.265.97 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định 4.315.691.43 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe 23.976.063.85 đồng; tiền lãi quá hạn 808,073.00 đồng. Trong trường hợp ông Nguyễn Thanh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm M thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Nguyễn Thanh Đ.

2. Trường hợp ông Nguyễn Thanh Đ thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe tải tự đổ biển số: 74C-119.78, loại xe: THACO FRONTIER, số khung: RNHA22TEAPT083411, số máy: DK121023337680, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 thuộc Công ty Cổ Phần S Có Ngay số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024.

3. Buộc ông Nguyễn Thanh Đ có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn của Công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

Ngoài ra ông Nguyễn Thanh Đ còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký. Kể từ ngày xét xử vụ án cho đến khi ông Đ thanh toán xong khoản tiền nợ.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 24/4/2025 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền gốc với số tiền 5.904,255.32 đồng; rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 4.315.691.43 đồng; rút yêu cầu khởi kiện đối với trường hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe tải tự đồ biển số: 74C-119.78, loại xe: THACO FRONTIER, Số khung: RNHA22TEAPT083411, Số máy: DK121023337680, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 - Công ty Cổ Phần S Có Ngay số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024; rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Thanh Đ có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn của công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ. Công Ty Cổ Phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M thanh toán cho Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền 151.564.500 đồng, tính từ ngày 05/07/2024 đến ngày 24/04/2025; bao gồm: tiền gốc 90.000.000 đồng; tiền lãi 8.910.000 đồng (1.1%/ tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 38.250.000 đồng; lãi quá hạn từ ngày 05/7/2024 đến 24/4/2025 là 14.404.500 đồng. Ngoài ra ông Nguyễn Thanh Đ còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cầm cố đã ký kết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 23/01/2025 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/4/2025 bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ trình bày: vào ngày 04/12/2024 ông Đ có cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 74C-119.78 cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay, mặc dù số tiền gốc ghi trong hợp đồng là 95.904.255.32 đồng, nhưng trên thực tế ông Đ nhận được số tiền gốc do Công ty giải ngân là 90.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo thỏa thuận. Nay ông Đ có nguyện vọng xin được trả số tiền gốc, tiền lãi và các khoản phí với số tiền 120.000.000 đồng, xin trả số tiền này vào ngày 03/3/2025, trong trường hợp ngày đó không trả thì vợ chồng ông Đ sẽ giao tài sản cầm cố là chiếc xe nói trên cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay. Hiện nay ông Đ phải đi làm ăn để trang trải cuộc sống và nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình ông Đ gặp rất nhiều khó khăn, nên chưa có tiền để trả cho Công ty và ông Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ tại phiên tòa.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm M (vợ ông Đ) trình bày: Bà M cũng nhất trí với ý kiến trình bày của ông Đ như đã nêu trên. Hiện nay kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bà M phải nuôi con cái học hành, hoàn cảnh gia đình hiện rơi vào bế tắc, nên không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty theo thỏa thuận. Vì vậy bà M mong phía Công ty Cổ Phần S Có Ngay tạo điều kiện cho vợ chồng bà M trả số tiền gốc

cho Công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 309; Điều 310; Điều 311, Điều 312; Điều 313; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay: buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M phải trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền 151.564.500 đồng, tính từ ngày 05/07/2024 đến ngày 24/04/2025; bao gồm: tiền gốc 90.000.000 đồng; tiền lãi 8.910.000 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 38.250.000 đồng; lãi quá hạn 14.404.500 đồng.

- Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ phần yêu cầu rút của nguyên đơn gồm: khoản tiền gốc với số tiền 5.904,255.32 đồng; khoản tiền phí quản lý hồ sơ 4.315.691.43 đồng; trường hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe tải tự đổ biển số: 74C-119.78, loại xe: THACO FRONTIER, Số khung: RNHA22TEAPT083411, Số máy: DK121023337680, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 - Công ty Cổ Phần S Có Ngay số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024; buộc ông Nguyễn Thanh Đ có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn của công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ có địa chỉ tại: thôn G, xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn, Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M phải trả số tiền 151.564.500 đồng theo Hợp đồng cầm cố tài sản số: Q8T240301003NA23X ngày 04/3/2024 và hợp đồng mượn tài sản ngày 04/3/2024 giữa Chi nhánh Q - Đ - Công ty cổ phần S Có Ngay và ông Nguyễn Thanh Đ và người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị

Cẩm M. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản*” theo quy định tại Điều 309 và Điều 494 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: ngày 02 tháng 01 năm 2025, Tòa án thụ lý vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản*” giữa nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay và bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm M theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 23/01/2025, bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ có đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 11/02/2025 và ngày 20/02/2025, Tòa án đã ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên ông Đ và bà M không đến tham gia tố tụng nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được lần thứ nhất và lần thứ hai, đồng thời thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Đ và bà M theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 25/3/2025, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 16/4/2025 và ngày 11/4/2025 Tòa án có thông báo hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vào ngày 24/4/2025. Ngày 12/4/2025 bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm M có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: khoản tiền gốc với số tiền 5.904,255.32 đồng; khoản tiền phí quản lý hồ sơ 4.315.691.43 đồng; rút yêu cầu khởi kiện đối với trường hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe tải tự đổ biển số: 74C-119.78, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 - Công ty Cổ Phần S Có Ngay số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024; rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Thanh Đ có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn của công ty để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc rút các yêu cầu khởi kiện nói trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên cần chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu mà nguyên đơn xin rút nói trên. Vì vậy nguyên đơn chỉ còn yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M phải thanh toán cho Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền 151.564.500 đồng, tính từ ngày 05/07/2024 đến ngày 24/04/2025; bao gồm: tiền gốc 90.000.000 đồng; tiền lãi 8.910.000 đồng; lãi quá hạn 14.404.500 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 38.250.000 đồng. Ngoài ra ông Nguyễn Thanh Đ còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cầm cố đã ký kết. Thấy rằng việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên chấp nhận.

[1.4] Về nội dung vụ án: xem xét hợp đồng cầm cố tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 04/03/2024, ông Nguyễn Thanh Đ có ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty cổ phần S, theo hợp đồng cầm cố số Q8T240301003NA23X ký giữa các bên ngày 04/03/2024 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ2:Giaodichdambao/botuphap:1529990202 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> Tài sản cầm cố là: 01 xe tải có mui biển kiểm soát: 74C-119.78; loại xe: Tải có mui THACO FRONTIER; màu: Xanh; số khung: RNHA22TEAPT083411 số máy: DK121023337680; số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000803 Do Công an tỉnh Q cấp ngày 03/10/2023, để vay số tiền là 95.904.255.32 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 04/03/2024 - 04/03/2025); lãi suất là 1,1%/ tháng, thời hạn thanh toán: thanh toán tiền theo định kỳ hàng tháng (bao gồm lãi và phí trong hạn) với số tiền 1.534.686.09 đồng, thanh toán vào ngày 04 hàng tháng, từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2025, thanh toán toàn bộ số tiền gốc vào kỳ hạn cuối cùng của hợp đồng. Mặc dù theo hợp đồng ghi số tiền gốc là 95.904.255.32 đồng nhưng tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu tiền gốc, Công ty chỉ yêu cầu ông Đ phải thanh toán số tiền gốc là 90.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 309; Điều 310; Điều 311 Bộ luật Dân sự.

Về yêu cầu tính lãi: Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ thanh toán số tiền lãi 8.910.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024 giữa Công ty cổ phần S Có Ngay đã ký kết với ông Nguyễn Thanh Đ, thì thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 04/03/2024 - 04/03/2025); với mức lãi suất là 1,1%/ tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Ngày 04/3/2024 Công ty cổ phần S đã giải ngân cho ông Đ số tiền 90.000.000 đồng. Tính đến nay ông Đ chỉ thanh toán cho Công ty được 03 tháng với số tiền lãi trong hạn là 3.164.840 đồng, sau đó ông Đ không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho Công ty cổ phần S Có Ngay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 468 BLDS nên cần chấp nhận.

Về lãi suất quá hạn: Tại mục 2 Điều 4 và Điều 6 của Hợp đồng cầm cố quy định lãi suất nợ quá hạn : *150% mức lãi suất cầm cố trong hạn, kể từ ngày đến hạn trả nợ gốc theo kỳ hạn hoặc kết thúc thời hạn cầm cố nếu khách hàng không trả hết số nợ gốc phải trả đúng hạn thì số nợ gốc không được trả đúng hạn bị chuyển sang nợ quá hạn. và áp dụng lãi suất như sau: đối với phần dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn thì áp dụng mức lãi suất quá hạn; đối với phần dư nợ gốc của kỳ hạn chưa đến hạn chưa đến hạn trả nợ thì áp dụng mức lãi suất trong hạn*". Theo hợp đồng cầm cố số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024 giữa Công ty cổ phần S Có Ngay đã ký kết với ông Nguyễn Thanh Đ, thì thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ

04/03/2024 - 04/03/2025); quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vì vậy khoản tiền dư nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn là 90.000.000đồng, khoản nợ quá hạn được tính từ ngày 05/7/2024 đến ngày 24/4/2025 với lãi suất 1,65% là 14.404.500 đồng. Căn cứ khoản 5 Điều 466 BLDS thì mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Xét về khoản phí: Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu ông Đ phải thanh toán khoản phí gồm: phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe 38.250.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: theo giấy mượn xe ngày 04/3/2024 thì thời hạn mượn xe là 30 ngày, kể từ 04/3/2024 đến ngày 04/4/2024 thì ông Đ phải trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 4.795.212.77 đồng. Như vậy tính từ ngày 04/3/2024 đến nay ông Đ không trả lại tài sản đã mượn cho Công ty cổ phần S Có Ngay nên Công ty yêu cầu ông Đ phải trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe là 38.250.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: tại hợp đồng cầm cố số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024 giữa Công ty cổ phần S Có Ngay đã ký kết với ông Nguyễn Thanh Đ thì bà Nguyễn Thị Cẩm M có ký vào mục người bảo lãnh; đơn trình ý kiến ngày 12/4/2025 bà M cũng thừa nhận vợ chồng bà có cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 74C-119.78 vay của Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền 90.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố vợ chồng bà M có trả được 03 tháng với số tiền 12.910.000 đồng; trong đó: tiền lãi trong hạn 3.164.840 đồng; tiền phí 1.463.629 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe 8.224.050 đồng; lãi quá hạn 57.480 đồng. Nay vì điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bà M không thực hiện việc trả tiền cho Công ty theo thỏa thuận. Hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M đang tồn tại quan hệ hôn nhân vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/2013 của UBND xã T (nay là xã T) huyện T, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, ông Đ và bà M phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty cổ phần S Có Ngay là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền 151.564.500 đồng, tính từ ngày 05/07/2024 đến ngày 24/04/2025; bao gồm: tiền gốc 90.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 8.910.000 đồng; lãi quá hạn 14.404.500 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 38.250.000 đồng;

[1.5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay được Tòa án chấp nhận nên Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty cổ phần S Có Ngay nên ông Đ và bà M phải chịu án phí trên số tiền mà ông Đ và bà M phải trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay. Số tiền mà ông Đ và bà M phải thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay là 151.564.500 đồng nên phải chịu án phí theo loại án phí có giá ngạch là 5% của số tiền phải thanh toán. Vì vậy, án phí dân sự sơ thẩm mà ông Đ phải chịu là: 7.578.225 đồng (là 151.564.500 đồng x 5% = 7.578.225 đồng) là phù hợp với quy

định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M phải trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền 151.564.500 đồng, tính từ ngày 05/07/2024 đến ngày 24/04/2025, bao gồm: tiền gốc 90.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 8.910.000 đồng; lãi quá hạn 14.404.500 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 38.250.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng cầm cố số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024 đã ký kết giữa giữa Công ty cổ phần S Có Ngay với ông Nguyễn Thanh Đ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ phần yêu cầu rút của nguyên đơn gồm: khoản tiền gốc với số tiền 5.904.255.32 đồng; khoản tiền phí quản lý hồ sơ 4.315.691.43 đồng; trường hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe tải tự đổ biển số: 74C-119.78, loại xe: THACO FRONTIER, Số khung: RNHA22TEAPT083411, Số máy: DK121023337680, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 - Công ty Cổ Phần S Có Ngay số Q8T240301003NA23X ngày 04/03/2024; buộc ông Nguyễn Thanh Đ có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn của công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

4. Án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M phải chịu 7.578.000 đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần S1 tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí 3.362.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000276 ngày 26/12/2024 của Chi cục thi

hành án dân sự huyện Triệu Phong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hải